TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204**/2020/DS - PT
Ngày: 26 - 9 - 2020
"Tranh chấp về cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Cầu**

Các thẩm phán Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Nguyễn Thanh Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLPT-DS ngày 04-12-2019 về *"Tranh chấp về cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1662/2020/QĐ-PT ngày 11-9-2020, giữa các đương sự:

** Đồng nguyên đơn:* Ông **Trương V**, sinh năm 1962, bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Đều có mặt.

** Đồng bị đơn:* Ông **Võ T**, sinh năm 1966, bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1969.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ T: Bà **Bùi Thị T**; cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Hữu T**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T *(theo văn bản ủy quyền ngày 03-01-2018)*, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Võ Minh S.

- Võ Minh N.

- Võ Minh K.

Đại diện cho theo ủy quyền của Võ Minh S, Võ Minh N, Võ Minh K: Bà Bùi Thị T (V bản ủy quyền ngày 25-02-2020); địa chỉ: Thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trương V, bà Nguyễn Thị H.

* *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án đồng nguyên đơn ông Trương V và bà Nguyễn Thị H cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân B trình bày:

Năm 1991, vợ chồng ông Trương V và bà Nguyễn Thị H có xin diện tích đất làm nhà và ngày 11-6-1998 được Ủy ban nhân dân thị xã *(nay là thành phố)* T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2. Thực tế từ năm 1991 đến nay thửa đất của hộ gia đình ông Trương V và bà Nguyễn Thị H giáp ranh với thửa đất nghĩa địa có chiều ngang 8m. Năm 2017 gia đình bà Nguyễn Thị H xây dựng hàng rào thì gia đình bà Bùi Thị T cản trở, đập phá hàng rào không cho xây dựng trên diện tích tranh chấp qua đo đạc thực tế là 85m^2. Nay đồng nguyên đơn ông Trương V và bà Nguyễn Thị H yêu cầu vợ chồng ông Võ T và bà Bùi Thị T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích qua đo đạc là 85 m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 mà nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như quản lý sử dụng từ năm 1991 đến nay với hiện trạng sử dụng thực tế diện tích đất là 1.022,6 m^2; phải trả lại phần đất lấn chiếm qua thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19 theo Nghị định 64/CP có chiều ngang 5,5m *(qua đo đạc thực tế diện tích là 216,2m^2)* tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do khi xây dựng hàng rào bị gia đình bà Bùi Thị T đập phá với số tiền là

1.120.000 đồng.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đồng bị đơn ông Võ T và bà Bùi Thị T trình bày:

Năm 1991, vợ chồng ông bà có xin diện tích đất làm lò vôi nhưng không được nên có xin đất để xây dựng nhà. Năm 1992 ông bà có xây dựng ngôi nhà nhỏ để phụng dưỡng bà nội của chồng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Q. Đến năm 2000 gia đình ông bà được Nhà nước hỗ trợ số tiền 5.000.000 đồng để xây dựng nhà tình nghĩa. Năm 2003, gia đình ông bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó Ủy ban nhân dân xã T đo đạc xác định diện tích đất gia đình ông bà được quyền sử dụng có chiều ngang 26m và chiều dài 20m, hộ ông, bà xây tường rào giáp với bờ tường rào của gia đình ông Trương V. Tuy nhiên, sau đó hộ ông bà chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-8-2003 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ số 19, diện tích 200 m^2, loại đất ở nên ông bà không đồng ý và được Ban Địa chính xã giao lại toàn bộ hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu. Thực tế diện tích đất tranh chấp qua đo đạc 85 m^2 nằm trong diện tích 520 m^2 (26m x 20m) thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông bà, đồng thời việc gia đình ông bà xây dựng hàng rào kiên cố giáp ranh với diện tích tranh chấp hiện nay mục đích là để chống trộm cắp nên ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Ngoài ra, trường hợp diện tích đất hộ ông Trương V được cấp nằm trong diện tích 26m chiều ngang của gia đình bà sử dụng từ trước đến nay thì bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ ông Trương V ngày 11-6-1998 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để xác định lại vị trí thửa đất được cấp cho hộ ông Trương V và trả lại nguyên trạng diện tích đất được cấp cho gia đình ông bà.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Qua kiểm tra sổ mục kê đất, bản đồ địa chính lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ tại xã T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì số liệu thửa đất, tờ bản đồ và diện tích được cấp trùng khớp, do vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương V đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 là đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có bản án của Tòa án nhân dân các cấp hoặc kết luận của cơ quan thanh tra yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam phán quyết, Ủy ban nhân dân thành phố T sẽ chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp về cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản"* của ông Trương V và bà Nguyễn Thị H về việc buộc vợ chồng ông Võ T và bà Bùi Thị T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng diện tích đất 85 m^2; buộc vợ chồng ông Võ T và bà Bùi Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 1.120.000 đồng và trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 216,2 m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. *(Tất cả có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T về việc *"Yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 do UBND thị xã *(nay là thành phố)* T cấp cho hộ ông Trương V ngày 11-6-1998 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế sử dụng và quy định của pháp luật về đất đai.

- Ngày 13-8-2019, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng có kháng nghị số 30/2019/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 05-9-2018, ông Trương V, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tố tụng Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tiến hành thu thập, tài liệu, chứng cứ bổ sung và đưa anh Võ Minh S, anh Võ Minh N, anh Võ Minh K là các con của ông Võ T, bà Bùi Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đã khắc phục được thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố

tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát và một phần đơn kháng cáo của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H. Sửa Bản án số 17/2019/DS-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng, các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương V, bà Nguyễn Thị H yêu cầu hộ ông Võ T, bà Bùi Thị T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tại thửa 72, tờ bản đồ 19 với diện tích đo đạc thực tế là 85m^2; trả lại diện tích 216,2m^2 đất mà hộ ông T, bà T đã lấn chiếm và phải bồi thường thiệt hại hành vi đập phá tường rào với số tiền 1.120.000 đồng do 03 người con của ông T là Võ Minh S, Võ Minh N, Võ Minh K đã gây ra. Bị đơn ông Võ T, bà Bùi Thị T thừa nhận gia đình ông, bà ngăn cản không cho bên nguyên đơn xây dựng tường rào vì đất là của bị đơn có các anh Võ Minh S, Võ Minh N, Võ Minh K tham gia thực hiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm đã khắc phục đưa Võ Minh S, Võ Minh N, Võ Minh K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan, đồng thời đã có lời khai của họ và giấy ủy quyền cho bà Bùi Thị T đại diện tham gia tố tụng nên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 28-8-2017, bà Bùi Thị T có đơn xin rút phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ số I 271800 cấp cho hộ ông Trương V nhưng có ý kiến: *Nếu diện tích đất hộ ông V được cấp Giấy chứng nhận nằm trong diện tích 26m chiều ngang mà gia đình ông T đang sử dụng thì đề nghị Tòa án xem xét hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông V đối với thửa 72, tờ bản đồ 19, để xác định lại vị trí thửa đất được cấp cho hộ ông V và trả lại nguyên trạng diện tích đất được cấp cho gia đình ông T*. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm đơn phản tố nhưng lại giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 trên là thiếu sót. Song, quá trình tố tụng bà Bùi Thị T khẳng định tự nguyện rút toàn bộ đơn phản tố nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại.

[3] Về nội dung: Ngày 05-9-1991, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 496/QĐ-UBND về việc thu

hồi đất, cấp đất làm nhà ở cho công dân. Theo đó, Ủy ban nhân dân thị xã T đã thu hồi 200m^2 đất (10m x 20m) của Hợp tác xã I T giao cho ông Trương V, bà Nguyễn Thị H để xây dựng nhà ở. Ngày 11-6-1998, ông Trương V đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 bao gồm nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Trương V. Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi, các hướng còn lại giáp với đất nghĩa địa thuộc thửa số 01, tờ bản đồ 19 (đất nghĩa địa thuộc thửa đất số 01 có tổng diện tích 95.505m^2). Ông Trương V, bà Nguyễn Thị H cho rằng ông Võ T và bà Bùi Thị T đến xin đất làm nhà sau ông bà nhưng lấn chiếm qua thửa đất số 72 phần diện tích 216,2 m^2, đồng thời khi gia đình ông, bà xây dựng hàng rào giáp ranh thì hộ ông Võ T và bà Bùi Thị T tiếp tục cản trở, đập phá hàng rào không cho xây dựng trên diện tích 85 m^2 gây thiệt hại 1.120.000 đồng cho ông, bà. Còn Võ T và bà Bùi Thị T lại cho rằng do ông V, bà H xây hàng rào trên diện tích 85 m^2 và đòi lại 216,2 m^2 là đất của ông, bà.

[4] Tại Sơ đồ trích lục ngày 20-12-1996, Cơ quan có thẩm quyền sử dụng làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương V, bà Nguyễn Thị H, thể hiện phía Nam thửa 72 có đường mòn của khu dân cư xã T, còn lại 03 mặt đều giáp đất nghĩa địa như phân tích ở phần [3].

Tuy nhiên, Biên bản xác minh tại địa chính xã T ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có nội dung: *"Giữa thửa đất số 72 và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 19 là con đường đất hình thành trước khi đo đạc lập tờ bản đồ 19 Hợp tác xã I T do Sở địa chính ký duyệt ngày 20-12-1996, khoảng năm 2001-2002 con đường đất này được đổ bê tông để phục vụ dân cư đi lại. Vị trí con đường bê tông này trên thực tế từ trước đến nay không thay đổi, giữ nguyên hiện trạng"*. Biên bản này cụ thể hóa phía Nam thửa đất 72 của hộ ông Trương V là con đường đất từ trước đến nay không thay đổi và được đổ bê tông trước khi đo đạc cấp giấy chứng nhận cho ông V, bà H ngày 11-6-1998. Việc ông Trương V, bà Nguyễn Thị H cho rằng ông, bà mở rộng diện tích đất (386,8 m^2) về phía Nam thửa đất 72 là không chính xác.

Đồng thời, 02 sơ đồ đo vẽ hiện trạng đất năm 2017 và năm 2019 đều thể hiện có 01 nhà ở xây dựng 1991 và 01 xưởng cưa nay là chỗ dựng xe của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H, các ngôi nhà này đều nằm trên và sát diện tích 386,8m^2 giáp đường bê tông phía Nam thửa đất 72. Riêng 01 ngôi nhà mới xây dựng năm 2017 của ông V, bà H nằm sát phía Bắc giáp đất ông T, bà T. Hiện

nay hộ ông Trương V, bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng 937,6 m^2 và 85m^2 đất tranh chấp, tổng cộng là 1.022 m^2, có nghĩa sử dụng tăng 257,6 m^2 đất (1.022 m^2-765m^2) so với giấy chứng nhận mà hộ ông Trương V được cấp năm 1998. Như vậy, phần diện tích các bên tranh chấp 85m^2 và 216,2m^2 nằm ngoài diện tích 765m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 cho hộ ông Trương V nên Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H là chính xác.

[5] Đối với hộ ông Võ T, Bùi Thị T làm Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tờ khai xác định mốc thời gian lập ngày 05-6-2003 với diện tích 520m^2 (26 x 20) có chữ ký xác nhận hộ giáp ranh ông Trương V, bà Bùi Thị Tính và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Tuy nhiên, hộ ông Võ T, bà Bùi Thị T chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-8-2003 với diện tích 200 m^2 thuộc thửa số 384, tờ bản đồ số 19, xã T. Thực tế diện tích đất đang sử dụng của hộ ông Võ T, bà Bùi Thị T tăng 1.124,4m^2 đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-8-2003 của hộ ông Võ T, bà Bùi Thị T.

[6] Như vậy, diện tích đất sử dụng của hộ ông Trương V, bà Bùi Thị H tăng 257,6 m^2 đất, hộ ông Võ T, bà Bùi Thị T tăng 1.124,4 m^2 đất và diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận cho ai. Do đó, cần thiết kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự đang quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí:

Do đơn kháng cáo của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trương V, bà Nguyễn Thị H và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà

Nẵng. Sửa Bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Tuyên xử:**

Áp dụng Điều 181, 189, 191 Bộ luật dân sự 1995; Điều 26, Điều 37, khoản 1 Điều 105, Điều 107 Đất đai năm 2003; Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 1990/2001/TCĐC ngày 30-11-2001 của Tổng cục địa chính.

Không hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 271800 do Ủy ban nhân dân thị xã *(nay là thành phố)* T cấp cho hộ ông Trương V ngày 11-6-1998 đối với thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765 m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp về cản trở quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản"* của ông Trương V và bà Nguyễn Thị H về việc buộc vợ chồng ông Võ T và bà Bùi Thị T chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng diện tích đất 85m^2; buộc vợ chồng ông Võ T và bà Bùi Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 1.120.000 đồng và trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 216,2m^2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 19, diện tích 765m^2 tại thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam *(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên hiện đang quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. **Về án phí:**

Áp dụng khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c, khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Ông Trương V, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương V, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai số 0000343 ngày 03-8-2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Ông Trương V, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trương V, bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* và 3.075.000đ *(ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002734 ngày 22-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam và Biên lai

số 0000295 ngày 17-5-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 26 - 9 - 2020./.

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Nguyễn Thanh Long Trần Quốc Cường	**Lê Thúy Cầu**